

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A**

TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày 25/5/2020

“Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và ông Vi Văn Quang

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2019/TLST-DS ngày 10/5/2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST – DS ngày 13/5/2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức H – Sinh năm: 1966

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt

** Bị đơn:* Ông Lý Văn N – Sinh năm: 1967

Nơi cư trú: Thôn 6, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trần Thị H – Sinh năm: 1967 (Vợ ông Hà);

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt

- Anh Nguyễn Đức N – Sinh năm: 1987 (Con ông H); Chị Nguyễn Thị Hương S – Sinh năm: 1990 (Con ông H); Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1993 (Con ông H) - Cùng nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị M – Sinh năm: 1970 (Vợ ông N);

Nơi cư trú: Thôn 6, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

- Chị Lý Thị Kim S – Sinh năm: 1993 (Con ông N);

Nơi cư trú: Thôn 6, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt không có lý do.

- Anh Lý Văn D – Sinh năm: 1979 (Em trai ông Nhị)

Cư trú tại: Thôn 8, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:*

- Ông Trần Văn T – Sinh năm: 1956

Trú tại: Khối 3, thị trấn A, huyện A, Nghệ An – Vắng mặt.

- Ông Lê Duy V – Sinh năm: 1964

Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt

- Ông Lê Anh T – Sinh năm: 1956; Ông Lý Văn L – Sinh năm: 1958; Ông Lý Văn T – Sinh năm: 1952; Anh Nguyễn Sỹ H – Sinh năm: 1967 - Cùng trú tại: Thôn 6, xã Đ, huyện A, Nghệ An – Vắng mặt

- Anh Nguyễn Sỹ C – Sinh năm: 1970

Trú tại: Thôn 7, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt

- Anh Lê Văn Dũng – Sinh: 1967; Ông Nguyễn Thạc D – Sinh năm: 1959 - Cùng trú tại: Thôn 11, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2019, những lời khai trong quá trình tố tụng và lời khai tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:

Năm 1995 hộ gia đình ông Nguyễn Đức H gồm: Ông Nguyễn Đức H, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Đức N, chị Nguyễn Thị Hương S và chị Nguyễn Thị T (Sau đây gọi tắt là hộ gia đình ông Nguyễn Đức H), đã trực tiếp canh tác đất rừng tại địa danh Khe Ông Mỹ thuộc thôn 3 xã Đ, lúc đầu là giữ rừng, bảo vệ rừng, sau đó trồng sắn và chăn nuôi. Đến năm 1996 thì được Nhà nước giao đất và đã được cấp sổ lâm bạ. Đến năm 2013 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số BR 448169 ngày 27/11/2013 thửa đất số 16, tờ bản đồ 1, tại khe Ông Mỹ, thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An, có diện tích 77.456 m².

Năm 2003 có chủ trương trồng chè công nghiệp và cây nguyên liệu thì hộ gia đình ông H đã trồng chè công nghiệp và cây trà trên thửa đất. Trà đã thu hoạch được 1 lứa, hiện nay đang trồng lứa thứ 2 được 4 năm tuổi, chè công nghiệp đã trồng đến nay là 10 năm.

Quá trình sử dụng đất từ năm 1995 đến năm 2018 không tranh chấp với ai. Còn một phần đất trên đỉnh đồi của thửa đất số 16 hộ gia đình ông H chưa trồng hết thì năm 2018 ông Lý Văn N đã cùng em trai là Lý Văn D sẻ phát, trồng keo 1 phần trên đất của hộ gia đình ông H. Khi ông N cho người sẻ phát và dùng máy móc đào mương trên đất của hộ gia đình ông H thì ông Hà đã báo địa phương nhiều lần nhưng ông N vẫn sẻ phát và trồng một phần trà trên thửa đất số 16. Hiện nay địa phương đã đình chỉ không cho ông N trồng trên phần đất này. Mặc dù đã được địa phương hoà giải nhưng không thành nên ông Nguyễn Đức H khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Lý Văn N trả lại đất lấn chiếm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N vẫn không thống nhất trả đất cho hộ gia đình ông H, nên ông H yêu cầu Toà án buộc ông Lý Văn N trả lại cho hộ gia

đình ông H 21.057,9 m² đất rừng sản xuất, có vị trí phía bắc và phía tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 16, phía đông giáp thửa đất số 15, phía nam giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 20 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 448169 ngày 27/11/2013.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lý Văn N trình bày:

Thửa đất số 16 là của hộ gia đình ông Lý Văn N, gồm ông Lý Văn N, bà Nguyễn Thị M (Sau đây gọi tắt là hộ gia đình ông Lý Văn N). Do ông Lý Văn N đã giữ rừng từ năm 1991, đến năm 1993 được cấp sổ lâm bạ cho hộ gia đình, tuy nhiên ủy ban xã đã thu sổ lâm bạ của hộ gia đình ông N để đổi bìa đỏ.

Thửa đất này có vị trí tại vùng Chóp tit, thuộc thôn 3, từ năm 1993 ông N đã sẻ phát trồng sắn thì bị Ban lâm nghiệp xã Đ bắt giữ thu dao, rạ không cho sẻ phát, canh tác. Sau đó ông N vẫn tiếp tục giữ rừng, bảo vệ rừng, năm 2000 ông N đi làm ăn ở Lào một vài tháng về 1 lần và tiếp tục giữ rừng bảo vệ rừng.

Năm 2010, ông N biết ông Nguyễn Đức H chặt cây dầu sơn trên thửa đất số 16 để trồng keo, ông N đã nói với ông H và báo địa phương là đất của gia đình ông N nhưng ông H vẫn trồng và địa phương không giải quyết. Tuy nhiên, ông N vẫn im lặng để cho ông H làm phần đất ông H đã trồng chè và tràm thuộc thửa đất số 16 từ năm 2010 cho đến nay. Năm 2018, ông N nhờ em trai là anh Lý Văn D sẻ phát phần đình đòi thuộc thửa đất số 16 thì ông H giữ lại, hiện tại đã trồng 1 phần tràm được 1 năm tuổi thì địa phương đình chỉ.

Nay ông H yêu cầu hộ gia đình ông N trả lại 21.057,9 m² đất rừng sản xuất có vị trí phía bắc và phía tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 16, phía đông giáp thửa đất số 15, phía nam giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 20 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An thì ông N không đồng ý. Vì thửa đất số 16 là của hộ gia đình ông N giữ năm 1991, năm 1993 gia đình ông N đã làm đơn nhận rừng và được cấp sổ lâm bạ. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông H là vô lý, vì năm 2005, thửa đất số 16 đang có tranh chấp, xã đã gọi hai bên lên giải quyết, giải quyết chưa xong, đất vẫn đang tranh chấp mà cấp giấy là không đúng nên đề nghị Tòa án xem xét.

Còn về sự vắng mặt của con gái ông N là chị Lý Thị Kim S, ông N trình bày: Đất tranh chấp là của vợ chồng ông N được cấp năm 1993, không liên quan đến các con. Mặc dù Tòa án đã thông báo cho chị S, thông qua ông N và ông N đã thông báo lại cho chị S đầy đủ nhưng chị S không liên quan nên chị S không tham gia.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H trình bày:

Thửa đất số 16 là của hộ gia đình bà H sử dụng từ năm 1995, năm 2013 đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đức H và Trần Thị H. Quá trình sử dụng đất không tranh chấp với ai. Năm 2007 có dự án trồng chè và cây nguyên liệu thì hộ gia đình đã trồng chè và trà trên 1 phần của thửa đất số 16, năm 2014 đã thu hoạch 1 lứa trà. Năm 2015 tiếp tục trồng trà đến nay đã 5 năm tuổi, chè công nghiệp hiện nay là hơn 10 năm tuổi. Còn 1 phần diện tích đất trên đỉnh đồi hộ gia đình chưa sê phát, canh tác thì năm 2018 ông Lý Văn N đã lấn chiếm, sê phát trồng trà. Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Lý Văn N trả lại cho hộ gia đình bà H 21.057,9 m² đất rừng sản xuất có vị trí phía bắc và phía tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 16, phía đông giáp thửa đất số 15, phía nam giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 20 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Tại phiên toà hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức N, chị Nguyễn Thị Hương S và chị Nguyễn Thị T vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh N, chị S và chị T thống nhất trình bày:

Năm 1995, hộ gia đình đã vào vùng khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An giữ rừng, bảo vệ rừng và sê phát trồng sản từ năm 1995. Năm 2013 thì thửa đất số 16 đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị H. Năm 2007 có dự án trồng chè và cây nguyên liệu thì hộ gia đình đã trồng chè và cây keo trên 1 phần của thửa đất số 16, năm 2014 đã thu hoạch 1 lứa keo, năm 2015 tiếp tục trồng keo đến nay đã 5 năm tuổi, chè công nghiệp hiện nay là hơn 10 năm tuổi. Còn 1 phần diện tích đất trên đỉnh đồi hộ gia đình chưa sê phát, canh tác thì năm 2018 anh Lý Văn N đã lấn chiếm, sê phát trồng keo. Hộ gia đình đã báo địa phương nhưng ông N vẫn không trả lại đất lấn chiếm cho hộ gia đình. Nay hộ gia đình yêu cầu Tòa án buộc ông Lý Văn N trả lại cho hộ gia đình phần diện tích đất đã lấn chiếm của thửa đất số 16, tờ bản đồ số 01, tại khe Ông Mỹ, thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Năm 1991 chồng bà M là ông Lý Văn N lên vùng Chợ Sa (Chóp ông Hồ) canh tác trồng lúa. Năm 1992 ông N kết hôn với bà M, năm 1993 vợ chồng bà M lên thửa đất này sinh sống và canh tác trồng sản, chăn nuôi, khi bà M về nhà sinh con thì ông N vẫn tiếp tục ở lại canh tác tại vùng đất này. Năm 1994, ông N sê phát rừng thì bị Ban lâm nghiệp xã đã thu dao, rạ của ông N, nên xã đã yêu cầu ông N làm đơn nhận rừng và Ban lâm nghiệp xã đã giao rừng cho gia đình quản lý đến nay. Năm 2000, ông N đi Lào làm ăn thì ông H sử dụng rừng của gia đình bà M. Nay ông H kiện yêu cầu gia đình bà M trả lại đất, bà M không đồng ý vì thửa đất số 16 của hộ gia đình bà M đã được cấp sổ lâm bạ vào năm 1993 và sổ lâm bạ đã nộp cho xã để đổi bìa đỏ nhưng đến nay chưa đổi được. Tuy nhiên, hiện nay thửa đất số 16 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia

đình ông H thì do xã làm sai nên đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà M. Ngoài ra, bà M còn trình bày, thửa đất số 16 đang tranh chấp là của vợ chồng bà M, không liên quan đến các con. Nên đề nghị Tòa án giải quyết quyền lợi cho ông bà.

Tại phiên toà hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lý Văn D vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh D trình bày:

Thửa đất đang tranh chấp với anh Nguyễn Đức H là của anh Lý Văn N giữ từ năm 1993, anh em anh D đã khai thác trồng sắn thì bị Ban lâm nghiệp xã thu dao rạ, không cho khai thác tại vùng Chóp Tịt, sau đó đã được cấp sổ lâm bạ. Diện tích thửa đất cấp cho anh N, anh D không biết. Năm 2018 anh N nhờ anh D sẻ phát để trồng trà thì bị ông Nguyễn Đức H cản trở, gây khó dễ, nên mới chỉ trồng được một ít trà thì bị địa phương đình chỉ không cho sẻ phát trồng nữa. Nay ông H kiện ông N lấn chiếm đất của ông H là không đúng, anh D không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lý Thị Kim S vắng mặt nên không có ý kiến:

Tại phiên Toà đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Vụ án đã được thụ lý, giải quyết theo đúng trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện nhiệm vụ đúng quy định do pháp luật quy định; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình; Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lý Thị Kim S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên xét xử vắng mặt là đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 166, điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 164, khoản 1 điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 9 điều 26, điểm a, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 229; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc hộ gia đình ông Lý Văn N trả cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức H 21.057,9 m² đất lâm nghiệp có vị trí phía bắc và phía tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 16, phía đông giáp thửa đất số 15, phía nam giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 20 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện A xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 9 điều 26, điểm a, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2019, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 39.000 m² đất lâm nghiệp thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thu được diện tích đất đang tranh chấp là 21.057,9 m² đất nên nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả lại 21.057,9 m² đất lâm nghiệp. Xét nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hợp pháp, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, các đương sự trong vụ án không ai có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả lại 21.057,9 m² đất lâm nghiệp thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Riêng chị Lý Thị Kim S, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng cho chị Lý Thị Kim S thông qua ông Lý Văn N. Ông Lý Văn N đã thông báo lại cho chị Lý Thị Kim S biết. Tại phiên tòa, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng chị Lý Thị Kim S vẫn cố tình vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Lý Thị Kim S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Tại phiên toà người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, đã có đầy đủ lời khai của những người làm chứng. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người làm chứng theo quy định tại điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.2] Về nguồn gốc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An và tài liệu chứng minh:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Đức H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hộ gia đình ông Nguyễn Đức H khai: Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An có diện tích 77.456 m², có vị trí phía bắc giáp thửa đất số 6 và số 9, phía tây giáp thửa đất số 13, phía đông giáp thửa đất số 15, phía nam giáp thửa đất số 20 và số 22. Thửa đất này có nguồn gốc do hộ gia đình ông H khai thác, sử dụng từ năm 1995, đến năm 1998 có chủ trương Nhà nước giao đất cho hộ gia đình sản xuất thì được Nhà nước giao cho hộ gia đình sử dụng từ năm 1998. Đến năm 2013 có chủ trương đổi sang bìa

đỏ thì hộ gia đình đã làm hồ sơ xin cấp đổi và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 448169 ngày 27/11/2013. Tài liệu ông Nguyễn Đức H giao nộp gồm: Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân, trích lục bản đồ địa chính thửa đất.

Bị đơn là ông Lý Văn N và những người liên quan trong hộ gia đình ông Lý Văn N khai: Năm 1991 ông Lý Văn N vào khai thác và sử dụng trồng sắn, hoa màu tại vùng Chóp Tịt, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An. Năm 1993 ông N tiếp tục sẻ phát để trồng sắn nhưng đã bị Ban lâm nghiệp xã giữ lại và thu dao, rạ không cho sẻ phát và yêu cầu hộ gia đình ông N làm đơn để xin cấp đất. Nên năm 1993 hộ gia đình ông Lý Văn N đã làm đơn xin cấp đất và đã được cấp sổ lâm bạ, sau đó có chủ trương đổi bì đỏ nên đã nộp lâm bạ của hộ gia đình cho Ban lâm nghiệp xã để cấp đổi bì đỏ, tuy nhiên đến nay hộ gia đình ông N vẫn chưa được cấp bì đỏ. Tài liệu ông N giao nộp cho Tòa án gồm: Đơn đề nghị tranh chấp đất lâm nghiệp, giấy làm chứng, đơn kiến nghị, các giấy xác nhận của người làm chứng, bản sao giấy mời ngày 08/11/2005, ngày 09/4/2010, bản sao bản cam kết.

[2.3] Về quá trình sử dụng đất:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Đức H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hộ gia đình ông Nguyễn Đức H khai: Sử dụng thửa đất trồng sắn từ năm 1995, năm 1998 được Nhà nước giao đất tiếp tục canh tác, đến năm 2007 có chủ trương trồng chè công nghiệp và cây nguyên liệu, hộ gia đình đã sẻ phát trồng chè công nghiệp cho đến nay vẫn đang thu hoạch và trồng trà năm 2014 đã thu hoạch 1 lứa, năm 2015 tiếp tục trồng lứa trà khác đến nay đã được 5 năm tuổi. Quá trình sử dụng đất từ năm 1995 đến năm 2018 không tranh chấp với ai. Còn một phần đất trên đỉnh đồi có diện tích 21.057,9 m², phần đất giáp thửa đất số 22 của hộ gia đình ông Lý Văn N chưa sẻ phát thì tháng 10/2018 ông N nhờ em trai là anh Lý Văn D vào sẻ phát lấn chiếm đất của hộ gia đình ông H để trồng trà. Sau đó ông H đã khiếu nại lên UBND xã và xã đã đình chỉ không cho ông N tiếp tục sẻ phát trồng trà.

Bị đơn là ông Lý Văn N và những người liên quan trong hộ gia đình ông Lý Văn N khai: Năm 1991 ông Lý Văn N vào khai thác và sử dụng trồng sắn, hoa màu trên thửa đất này, đến năm 1993 ông N tiếp tục sẻ phát để trồng sắn nhưng đã bị Ban lâm nghiệp xã giữ lại và thu dao, rạ không cho sẻ phát và yêu cầu hộ gia đình ông N làm đơn để xin cấp đất. Nên năm 1993 hộ gia đình ông Lý Văn N đã làm đơn xin cấp đất và đã được cấp sổ lâm bạ. Sau đó ông N đi miền nam và đi Lào làm ăn nhưng vẫn thỉnh thoảng về để giữ rừng và bảo vệ rừng. Quá trình giữ rừng, ông N đã cho nhà thờ giáo họ Chợ Mùa chặt gỗ trên thửa đất để làm cột pha để xây dựng làm nhà thờ. Năm 2010 ông N biết ông H sẻ phát trồng chè và trà, ông N đã nói ông H đó là đất của ông N nhưng ông H vẫn trồng cho đến nay và ông N vẫn để cho ông H sử dụng đất trồng chè và trà cho đến nay. Đến năm 2018 ông N nhờ anh Lý Văn D sẻ phát tại phần đất tại đỉnh đồi giáp thửa đất số 22

của hộ gia đình ông N thì bị ông H giữ lại và địa phương đã đình chỉ cho đến nay. Bên cạnh đó, thửa đất số 16 đang có tranh chấp, năm 2005 ông Nhị đã được ủy ban xã gửi giấy mời giải quyết tranh chấp ranh giới, tranh chấp giải quyết chưa xong mà cấp bìa đỏ cho hộ gia đình ông H là không đúng.

[2.4] Ý kiến của các bên đương sự:

Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hộ gia đình nguyên đơn yêu cầu ông hộ gia đình ông Lý Văn N trả lại 21.057,9 m² đất rừng sản xuất, có vị trí phía bắc và phía tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 16, phía đông giáp thửa đất số 15, phía nam giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 20 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 448169 ngày 27/11/2013 đã cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị H.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hộ gia đình bị đơn có ý kiến: Không chấp nhận yêu cầu của hộ gia đình nguyên đơn. Đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ gia đình bị đơn.

[2.5] Hội đồng xét xử nhận định:

** Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp và các tài liệu chứng cứ chứng minh thửa đất đang tranh chấp:*

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án gồm:

- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 448169 ngày 27/11/2013 (BL 09), trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 16, tờ bản đồ số 01 (BL 6) do nguyên đơn giao nộp xác định thửa đất 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An chủ sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị H;

- Kết quả xác minh tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An (BL 88, 89) và tài liệu kèm theo biên bản xác minh ngày 09/7/2019 (BL 83 – 86) xác định:

- + Thửa đất 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An có nguồn gốc hộ gia đình ông Nguyễn Đức H sử dụng từ trước năm 1998. Đến năm 2013 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 448169 ngày 27/11/2013 cho hộ ông Nguyễn Đức H và Trần Thị H. Theo sổ mục kê đất và biểu thống kê đất lập năm 2003, thửa đất số 16, tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Đức H, diện tích thửa đất số 16 ghi trong sổ mục kê và biểu thống kê đất là 78.611 m². Theo biểu thống kê đất năm 2003: Tại phần ký nhận của chủ sử dụng đất, ông Nguyễn Đức H đã ký xác nhận. Cũng tại biểu thống kê đất này, ông Lý Văn N đã ký xác nhận chủ sử dụng đất của thửa đất số 22 (Thửa đất số 22 tiếp giáp thửa đất số 16 của hộ gia đình ông Nguyễn Đức H.

- + Việc ông Lý Văn N có nộp sổ lâm bạ trắng thửa đất số 16 để đổi lâm bạ xanh và nộp sổ lâm bạ xanh để đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không thì địa phương không nắm rõ vì không có tài liệu lưu trữ tại ủy ban xã để chứng minh.

+ Tên địa danh “Chóp ông Hồ” và Khe Ông Mỹ” tại thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An là cùng 1 địa điểm.

+ Không có tài liệu về việc năm 1991 ông Lý Văn N sẽ phát thửa đất số 16 bị uỷ ban xã phạt và xử phạt lưu tại uỷ ban xã.

+ Từ năm 2017 trở về trước, giữa 2 hộ ông H và ông N không có tranh chấp thửa đất số 16.

- Kết quả thu thập tài liệu tại UBND xã Đ ngày 09/7/2019 (BL 82) xác định: Không tìm thấy hồ sơ giao đất lâm nghiệp theo Nghị định số 02/CP (Sổ lâm bạ) của hộ ông Lý Văn N.

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 16 của hộ ông Nguyễn Đức H (BL 91 – 101).

- Công văn số 98/UBND-TNMT ngày 03/02/2020 của UBND huyện A, tỉnh Nghệ An (BL 103) kết luận: Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị H;

- Biên bản xác minh tại UBND xã Đ ngày 10/02/2020 (BL 111) và tài liệu kèm theo biên bản xác minh (BL 108 – 110) xác định: Ngày 23/9/2005, ông Lý Văn L và ông Nguyễn Sỹ H, công dân thôn 6, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An đã làm đơn khiếu nại ông Lý Văn N, về việc ông N gây khó khăn trong việc ông L và ông H làm trại tại vùng đất Khe Vang (Vùng Chợ Sa). Nên ngày 08/11/2005 UBND xã Đ đã mời các hộ đến vùng đất đang tranh chấp để giải quyết ranh giới giữa các hộ. Ngày 09/11/2005, Ban địa chính và Ban lâm nghiệp xã đã lập biên bản về việc thống nhất thoả thuận phân chia đất lâm nghiệp giữa các hộ, xác định ranh giới thửa đất số 22 và thửa đất số 30, tờ bản đồ số 1, tại Khe Ông Mỹ, thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An. Tranh chấp này không liên quan đến thửa đất 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An. Riêng giấy mời ngày 09/4/2010, UBND xã Đ mời ông Lý Văn N dự Hội nghị về kết quả trồng chè công nghiệp năm 2009, triển khai kế hoạch trồng chè năm 2010.

- Những người làm chứng do bị đơn ông Lý Văn N cung cấp khai:

Ông Trần Văn T, ông Lê Duy V, ông Lê Anh T, ông Nguyễn Thạc D, anh Nguyễn Sỹ C, anh Lê Văn D, anh Nguyễn Sỹ H và ông Lý Văn T khai: Không biết việc tranh chấp đất giữa ông H và ông N hoặc chỉ nghe ông Nhị nói có vườn trầu đang tranh chấp với ông H nhưng tranh chấp vị trí nào, diện tích bao nhiêu thì không biết.

Riêng ông Trần Văn T còn khai thêm, ông T chỉ chứng nhận cho ông N nội dung: “*Năm 2006, Nhà thờ giáo họ Chợ Mùa được ông N cho chặt cây tại vườn rừng của ông N để làm cốt pha làm nhà thờ. Tuy nhiên, ông T không biết đã chặt cây tại vị trí nào và ông T cũng không biết nguồn gốc vườn rừng ông N cho nhà thờ chặt cây làm cốt pha có từ thời điểm nào*”.

Còn ông Lê Duy V khai thêm: Ông V chỉ chứng nhận cho ông N nội dung: “Năm 1991, 1992 địa phương giao cho ông V giám sát việc không cho công dân sẻ phát rừng. Tại thời điểm đó, có ông Lý Văn N sẻ phát rừng nên đã bị ông V lập biên bản thu giữ của ông N 1 cái rạ, 1 cái dao và đã đưa về xã Đ, tuy nhiên thời gian đã lâu nên không tìm thấy biên bản và dao, rạ nữa. Ông V không biết vị trí ông N sẻ phát năm 1991, 1992 có đúng vị trí hiện nay ông N và ông H đang tranh chấp hay không. Vì ông V không biết đất của ông N ở vị trí nào và diện tích bao nhiêu”.

Ông Lý Văn L khai: Ông L có biết việc tranh chấp đất giữa ông N và ông H vì ông L có rừng gần ông N, vị trí đất đang tranh chấp là phía tây giáp đất ông L, phía bắc giáp đất ông H, phía đông giáp đất huyện T, phía nam giáp khe Nậy, còn diện tích tranh chấp bao nhiêu ông L không biết. Nguồn gốc, vị trí đất đang tranh chấp là do ông N khai hoang từ năm 1991. Tuy nhiên, ông Lý Văn L không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Từ những tài liệu nêu trên, lời khai của những người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định lời nại của hộ gia đình ông Lý Văn N về việc: Thửa đất số 16 tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An là của hộ gia đình ông Lý Văn N là không có căn cứ.

Ngoài ra, ông Lý Văn N còn nại rằng, thửa đất số 16 đang có tranh chấp giữa ông N và ông H vào năm 2005. UBND xã đã mời ông Nhị đến để giải quyết, xã chưa giải quyết xong nhưng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức H là không đúng. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương thì giấy mời ngày 08/11/2005 UBND xã Đ mời ông N đến giải quyết tranh chấp ranh giới vườn rừng là giải quyết tranh chấp ranh giới vườn rừng giữa ông N với ông Nguyễn Sỹ H và ông Lý Văn L của 2 thửa đất số 22 và thửa đất số 30, chứ tranh chấp không liên quan đến thửa đất số 16. Bên cạnh đó, UBND huyện A, tỉnh Nghệ An đã trả lời: “Thửa đất 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị H”.

Hộ gia đình ông Lý Văn N còn nại rằng: Thửa đất số 16 đã được cấp sổ lâm bạ cho hộ gia đình ông nhưng UBND xã Đ đã thu để đổi bìa đỏ, năm 1993 ông N sẻ phát thì bị Ban lâm nghiệp xã thu dao, rạ của ông. Tuy nhiên qua xác minh tại UBND xã Đ thì ủy ban xã không thu sổ lâm bạ của hộ gia đình ông Lý Văn N và không có tài liệu về việc ông N sẻ phát rừng bị xã xử phạt. Bên cạnh đó, người làm chứng là ông Lê Duy V khai: “Không biết vị trí ông N sẻ phát năm 1991, 1992 có đúng vị trí hiện nay ông N và ông H đang tranh chấp hay không. Vì ông V không biết đất của ông N ở vị trí nào và diện tích bao nhiêu”.

Đối với lời khai của những người làm chứng là chưa cụ thể, chưa chính xác, không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Nên không có cơ sở để chấp nhận.

Theo quy định của pháp luật, tại khoản 5 điều 70 BLTTDS quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình*”; tại khoản 2 điều 91 BLTTDS quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và tại khoản 4 điều 91 BLTTDS quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình thì lời nại hộ gia đình ông Lý Văn N không có căn cứ vì không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời nại của mình là có căn cứ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An, có vị trí phía bắc giáp thửa đất số 6 và số 9, phía tây giáp thửa đất số 13, phía đông giáp thửa đất số 15, phía nam giáp thửa đất số 20 và số 22, có diện tích theo hiện trạng là 77.166,5 m², chủ sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 448169 ngày 27/11/2013 là phù hợp với lời khai và các tài liệu do bên nguyên đơn cung cấp và phù hợp với các tài liệu do Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.6] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2020:

Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thuộc thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An có vị trí phía bắc giáp thửa đất số 6 và số 9, phía tây giáp thửa đất số 13, phía đông giáp thửa đất số 15, phía nam giáp thửa đất số 20 và số 22, có diện tích theo hiện trạng đo được là 77.166,5 m² (Diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 448169 ngày 27/11/2013 là 77.456 m²).

Như vậy, tổng diện tích thửa đất số 16 theo hiện trạng, chênh lệch nhỏ hơn so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 448169 ngày 27/11/2013 là 289,5 m². Theo kết quả xác minh tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An sự chênh lệch này là do đo đạc chứ không phải do tranh chấp với ai. Hơn nữa, diện tích thu được tại hiện trạng là căn cứ tại các vị trí do các đương sự xác định trên thực địa thửa đất.

Trên thửa đất số 16, hộ gia đình ông Nguyễn Đức H đã trồng 51.252,7 m² tràm 4 năm tuổi; Trồng 4.855,9 m² chè công nghiệp (Chè trồng năm 2010); 8.916,7 m² rừng tự nhiên chưa sê phát; 11.554,2 m² ông Lý Văn N đã sê phát nhưng cây cối đã mọc lại; 587 m² ông Lý Văn N đã sê phát và trồng tràm 01 năm tuổi.

Như vậy tổng diện tích đất rừng sản xuất của thửa đất số 16, ông Lý Văn N đã lấn chiếm của hộ gia đình ông Nguyễn Đức H là 21.057,9 m², có vị trí phía bắc

và phía tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 16 (Có độ dài từ điểm 2 – 11 – 10 - 9 - 8 là 140,51 m; Từ điểm 8 – 12 là 89,15 m; Từ điểm 12 – 13 là 126,93 m); Phía đông giáp thửa đất số 15 (Có độ dài từ điểm 2 – 3 – 4 là 136,4 m; Từ điểm 4 – 5 là 24,87 m); Phía nam giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 20 (Có độ dài từ điểm 13 – 6 – 5 là 302,5 m). Trong 21.057,9 m² đất này, ông Lý Văn N đã trồng 2 vị trí tràm 1 năm tuổi, có diện tích 290,4 m² và 296,6 m², tổng cộng là 587 m² tràm 1 năm tuổi.

[2.7] Theo kết quả định giá tài sản ngày 10/3/2020, thửa đất số 16 và các tài sản trên thửa đất có giá như sau:

- 77.166,5 m² đất của thửa đất số 16 có giá là: 4.500 đồng/m² = 347.249.250 đồng (Ba trăm, bốn mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

21.057,9 m² đất (nằm trong thửa đất số 16) (Ông Lý Văn N đang lần chiếm sử dụng) có giá là 4.500 đồng/m² = 94.760.550 đồng (Chín mươi tư triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, năm trăm năm mươi đồng).

- 51.252,7 m² tràm 04 năm tuổi (của hộ gia đình ông Nguyễn Đức H trồng) trị giá: 256.263.500 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

- 4.855,9 m² chè công nghiệp (9.712 khóm chè) (Của hộ gia đình ông Nguyễn Đức H) trồng năm 2010 trị giá: 77.696.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- 587 m² tràm 01 năm tuổi (Của ông Lý Văn N trồng) trị giá: 1.761.000 đồng (Một triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng).

[2.8] Từ những phân tích, đánh giá trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H, buộc hộ gia đình ông Lý Văn N trả cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức H 21.057,9 m² đất rừng sản xuất, có vị trí phía bắc và phía tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 16 (Có độ dài từ điểm 2 – 11 – 10 - 9 - 8 là 140,51 m; Từ điểm 8 – 12 là 89,15 m; Từ điểm 12 – 13 là 126,93 m); Phía đông giáp thửa đất số 15 (Có độ dài từ điểm 2 – 3 – 4 là 136,4 m; Từ điểm 4 – 5 là 24,87 m); Phía nam giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 20 (Có độ dài từ điểm 13 – 6 – 5 là 302,5 m) thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 448169 ngày 27/11/2013, chủ sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị H.

Trên 21.057,9 m² đất lâm nghiệp ông Lý Văn N đang lần chiếm, ông N đã sẽ phát trồng 587 m² tràm 01 năm tuổi.

Xét thấy, 587 m² tràm 01 năm tuổi của hộ gia đình ông Lý Văn N trồng trên đất của hộ gia đình ông Nguyễn Đức H, chưa đến kỳ thu hoạch, không thể di chuyển, nếu di chuyển thì sẽ ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của cây tràm, thiệt hại về kinh tế của hộ gia đình ông Lý Văn N. Nên cần giao 587 m² tràm 01 năm tuổi này cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức H sở hữu và hộ gia đình ông Nguyễn Đức

H có nghĩa vụ giao lại cho hộ gia đình ông Lý Văn N giá trị 587 m² tràm 01 năm tuổi là 1.761.000 đồng (Một triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng) là phù hợp với mục đích sử dụng đất, phù hợp với quyền và lợi ích hợp pháp của hai bên đương sự và đảm bảo tính nhân văn của pháp luật.

Đối với 11.554,2 m² đất ông Lý Văn N đã sẻ phát chưa canh tác gì trên đất, nay cây cối đã mọc lại và phần đất ông Lý Văn N đã đào mương không có giá trị kinh tế và không ảnh hưởng đến giá trị thửa đất. Tại phiên toà hộ gia đình ông Lý văn N không yêu cầu gì về việc sẻ phát và đào mương, hộ gia đình ông Nguyễn Đức H cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài các vấn đề trên, tại phiên toà, các đương sự không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và lệ phí:

- Về án phí: Ông Lý Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Đức H đã nộp.

- Về chi phí tố tụng khác: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đức H tự thanh toán chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản và định giá tài sản tranh chấp và không yêu cầu các đương sự khác phải thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Khoản 7 điều 166, điều 203 Luật Đất đai;

- Điều 164, khoản 1 điều 166, điều 274, điều 280 Bộ luật Dân sự.

- Khoản 9 điều 26, điểm a, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 229 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H.

- Buộc hộ gia đình ông Lý Văn N trả cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức H 21.057,9 m² đất rừng sản xuất, có vị trí phía bắc và phía tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 16 (Có độ dài từ điểm 2 – 11 – 10 - 9 - 8 là 140,51 m; Từ điểm 8 – 12 là 89,15 m; Từ điểm 12 – 13 là 126,93 m); Phía đông giáp thửa đất số 15 (Có độ dài từ điểm 2 – 3 – 4 là 136,4 m; Từ điểm 4 – 5 là 24,87 m); Phía nam giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 20 (Có độ dài từ điểm 13 – 6 – 5 là 302,5 m) thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 448169 ngày 27/11/2013, chủ sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị H.

- Giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức H sở hữu 587 m² tràm 1 năm tuổi trồng trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, tại Khe ông Mỹ, thôn 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nhưng hộ gia đình ông Nguyễn Đức H có nghĩa vụ thanh toán cho hộ gia đình ông Lý Văn N trị giá 587 m² tràm 1 năm tuổi với số tiền là 1.761.000 đồng (Một triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng).

(Có sơ đồ kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Về án phí:

Buộc ông Lý Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Đức H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001832 ngày 10/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện A
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện A
- Lưu HSYA+VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Anh Sơn
- Chi cục THADS huyện Anh Sơn
- Các đương sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Lưu HSVA+VPTA.*

Hoàng Thị Lệ Hằng

